

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán và giá một số gói thầu  
Công trình Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; số 5078/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; số 1476/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47;*

*Căn cứ Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2582/TTr-SGTVT ngày 29/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán và giá một số gói thầu công trình đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán và giá một số gói thầu thuộc công trình đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 với nội dung như sau:

**I. Điều chỉnh tổng dự toán**

**1. Khái quát về dự toán được duyệt**

Công trình Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán tại Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 với tổng dự toán là 574.032.813.000 đồng.

Trong đó: - Chi phí xây dựng : 496.558.658.000 đồng;

- Chi phí Quản lý dự án : 5.678.825.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 22.338.773.000 đồng;
- Chi phí khác : 6.494.407.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 42.962.150.000 đồng.

Hiện nay, Sở Giao thông vận tải đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo để lựa chọn nhà thầu thi công công trình.

## 2. Lý do điều chỉnh tổng dự toán

Theo tổng dự toán công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 28/4/2020, đơn giá nhân công xây dựng và thiết bị, máy thi công được tính toán dựa trên Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016). Mặt khác, đơn giá xăng dầu, nhựa đường có thay đổi so với thời điểm phê duyệt nêu trên nên việc cập nhật và điều chỉnh lại dự toán trước khi lựa chọn nhà thầu là phù hợp và cần thiết.

**3. Tổng dự toán điều chỉnh: 590.279.243.000 đồng** (Năm trăm chín mươi tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm bốn ba nghìn đồng).

- Trong đó:
- Chi phí xây dựng : 510.605.677.000 đồng;
  - Chi phí Quản lý dự án : 5.839.472.000 đồng;
  - Chi phí tư vấn ĐTXD : 22.557.372.000 đồng;
  - Chi phí khác : 6.542.066.000 đồng;
  - Chi phí dự phòng : 44.734.656.000 đồng.

(nội dung chi tiết như Tờ trình số 2582/TTr-SGTVT ngày 29/6/2020 của Sở Giao thông vận tải)

## II. Điều chỉnh giá một số gói thầu:

Căn cứ dự toán điều chỉnh như trên, giá một số gói thầu được điều chỉnh là:

**1. Gói thầu số 5:** Thi công xây dựng công trình và bảo hiểm xây dựng công trình.

Giá gói thầu: **551.670.998.000 đồng** (Năm trăm ba trăm năm mươi một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	Giá gói thầu duyệt lần này	Chênh lệch
1	Xây dựng	489.617.324.000	507.711.290.000	18.093.966.000
2	Bảo hiểm công trình	2.121.000.000	2.151.000.000	30.000.000

3	Dự phòng	40.322.542.000	41.808.708.000	1.486.166.000
	- Khối lượng	24.586.916.000	25.493.115.000	906.199.000
	- Trượt giá	15.735.626.000	16.315.593.000	579.967.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>532.060.867.000</b>	<b>551.670.998.000</b>	<b>19.610.132.000</b>

**2. Gói thầu số 9:** Đảm bảo giao thông đường thủy - cầu Sông Chu.

Giá gói thầu: **3.131.726.000 đồng** (Ba tỷ một trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 2013/QĐ-UBND ngày 3/6/2020	Giá gói thầu duyệt lần này	Chênh lệch
1	ĐBGT đường thủy	2.452.627.000	2.894.387.000	441.760.000
2	Dự phòng	201.115.000	237.339.000	36.224.000
	- Khối lượng: 5%	122.631.000	144.719.000	22.088.000
	- Trượt giá: 3,2%	78.484.000	92.620.000	14.136.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.653.742.000</b>	<b>3.131.726.000</b>	<b>477.984.000</b>

**Điều 2.** Giám đốc Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đấu thầu, quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế tổng dự toán trong Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 và giá các gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ BIỂU: TỔNG DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH**

**Công trình: Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí	Theo 1467/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	Giá trị điều chỉnh lần này	Chênh lệch (tăng)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>496.558.658.000</b>	<b>510.605.677.000</b>	<b>14.047.019.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>5.678.825.000</b>	<b>5.839.472.000</b>	<b>160.647.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>22.338.773.000</b>	<b>22.557.372.000</b>	<b>218.599.000</b>
1	Lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát khảo sát bước lập báo cáo NCKT	170.223.000	170.223.000	0.00
2	Khảo sát lập báo cáo NCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	4.037.404.000	4.037.404.000	0.00
3	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát, giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	293.567.000	293.567.000	0.00
4	Khảo sát, lập thiết kế, dự toán bước BVTC	9.514.400.000	9.639.472.000	125.072.000
4.1	<i>Chi phí khảo sát bước BVTC</i>	<i>4.408.936.000</i>	<i>4.408.936.000</i>	<i>0.00</i>
4.2	<i>Chi phí thiết kế BVTC và DT công trình</i>	<i>4.905.464.000</i>	<i>5.030.536.000</i>	<i>125.072.000</i>
4.3	<i>Chi phí thiết kế BVTC, DT hạng mục hoàn trả đường phục vụ thi công</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>	<i>0.00</i>
5	Thẩm tra thiết kế BVTC	280.993.000	284.377.000	3.384.000
6	Thẩm tra dự toán	266.705.000	269.668.000	2.963.000
7	Giám sát thi công xây dựng	5.198.969.000	5.284.769.000	85.800.000
8	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	137.144.000	138.055.000	911.000
8.1	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn KS, lập BCNCKT</i>	<i>8.075.000</i>	<i>8.075.000</i>	<i>0.00</i>
8.2	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn KS, thiết kế BVTC</i>	<i>19.029.000</i>	<i>19.279.000</i>	<i>250.000</i>
8.3	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn thẩm tra TK BVTC và DT</i>	<i>1.095.000</i>	<i>1.108.000</i>	<i>13.000</i>
8.4	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn kiểm định chất lượng công trình</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>	<i>0.00</i>
8.5	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn, kiểm toán công trình</i>	<i>1.755.000</i>	<i>1.804.000</i>	<i>49.000</i>
8.6	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng và bảo hiểm công trình</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>0.00</i>
8.7	<i>Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu đảm bảo giao thông đường thủy</i>	<i>5.190.000</i>	<i>5.789.000</i>	<i>599.000</i>
9	Cắm cọc GPMB và MLG	478.569.000	478.569.000	0.00
10	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	190.090.000	190.090.000	0.00

11	Thẩm tra an toàn giao thông	150.000.000	150.000.000	0.00
12	Kiểm định chất lượng công trình	1.000.000.000	1.000.000.000	0.00
13	Giám sát đánh giá Dự án đầu tư	500.000.000	500.000.000	0.00
14	Thẩm định HSMT gói thầu thi công xây dựng (bao gồm cả BHCT)	50.000.000	50.000.000	0.00
15	Thẩm định kết quả LCNT gói thầu thi công (bao gồm cả BHCT)	50.000.000	50.000.000	0.00
16	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT các gói thầu tư vấn	20.709.000	21.178.000	469.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>6.494.407.000</b>	<b>6.542.066.000</b>	<b>47.659.000</b>
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	278.406.000	286.074.000	7.668.000
2	Kiểm toán	877.696.000	901.871.000	24.175.000
3	Thẩm định dự án đầu tư	55.000.000	55.000.000	0.00
4	Bảo hiểm công trình	2.137.000.000	2.151.000.000	14.000.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	51.642.000	52.592.000	950.000
7	Thẩm định dự toán	48.663.000	49.529.000	866.000
8	Rà phá bom mìn	2.946.000.000	2.946.000.000	0.00
9	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện	100.000.000	100.000.000	0.00
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>42.962.150.000</b>	<b>44.734.656.000</b>	<b>1.772.506.000</b>
1	Do yếu tố khối lượng	26.553.533.000	27.277.229.000	723.696.000
2	Do yếu tố trượt giá	16.408.617.000	17.457.427.000	1.048.810.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>574.032.813.000</b>	<b>590.279.243.000</b>	<b>16.246.430.000</b>